

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HS-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Toàn
Bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 336/2024/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 07/01/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Văn Q** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 06/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L và bà Hoàng Thị C; có vợ là Ngô Thị D (đã ly hôn) có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: không có.

Tiền án: ngày 28/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 11/8/2023, bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo đầu thú ngày 27/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố H, có mặt.

- Bị hại (đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt):

1. Chị Nguyễn Thị X; sinh năm 1982; trú tại thôn B, xã T (xã Q cũ), huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Đàm Thị T; sinh năm 1951; trú tại: tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

3. Bà Lê Thị N; sinh năm 1979; trú tại: thôn C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

4. Ông Đỗ Đăng P; sinh năm 1974; trú tại thôn Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người làm chứng*: anh Diệp Văn H; anh Diệp Văn H1; chị Lê Thị N1; anh Nguyễn Hồng H2; anh Lê Đức Q1; anh Đỗ Đăng Đ; ông Đào Văn H3 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 22/11/2022 đến 11/8/2023, Lý Văn Q chấp hành án tại Phân trại số 2 Trại giam Q2 (thuộc thôn Đ, xã T, thành phố H). Quá trình chấp hành án, Q quen có biết với các phạm nhân Nguyễn Hồng H2, Lê Đức Q1, Đào Văn H3, Đỗ Đăng Đ. Các phạm nhân này đã cho nhau và cho Quân số điện thoại của người thân để sau khi ra tù sẽ liên lạc với nhau. Ngày 11/8/2023, Q chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Do chưa có việc làm ổn định và không có tiền chi tiêu nên Q đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của một số người nhà các phạm nhân trên. Q không có tài khoản ngân hàng nên đã mượn tài khoản của anh Diệp Văn H và anh Diệp Văn H1 (là 02 người cùng quê và đi làm thuê cùng Q tại tỉnh Lâm Đồng) để người khác chuyển tiền đến cho Q. Q nói với anh H, anh H1 khi nào có người tiền chuyển đến tài khoản thì thông báo cho Q và đưa lại số tiền đó cho Q bằng tiền mặt. Q đã sử dụng số điện thoại 0387113894 của mình, giả danh là cán bộ Trại giam Q2 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) của người nhà các phạm nhân trên, cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 12/11/2023, Q giả danh là cán bộ Trại giam Q2 gọi điện cho bà Đàm Thị T là mẹ của phạm nhân Đào Văn H3 thông báo H3 phải đi cấp cứu mổ ruột thừa và yêu cầu gia đình chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng A số 8507205319520 mang tên Diệp Văn H1 để hỗ trợ đưa H3 đi cấp cứu. Bà T đồng ý và đã nhờ cháu của mình là chị Đinh Thị N2 chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào tài khoản trên.

Lần thứ hai: ngày 28/11/2023, Q gọi điện cho ông Đỗ Đăng P là bố của phạm nhân Đỗ Đăng Đ thông báo Đ phải đi cấp cứu mổ ruột thừa và yêu cầu gia đình chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng A số 8507205319520 mang tên Diệp Văn H1 để hỗ trợ đưa H3 đi cấp cứu. Ông P đồng ý và đã đưa tiền mặt nhờ anh Dương Văn M là người đi đường cùng chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản trên.

Lần thứ ba: ngày 30/11/2023, Q gọi điện cho chị Lê Thị N là chị gái của phạm nhân Lê Đức Q1 thông báo Q1 phải đi cấp cứu mổ ruột thừa và yêu cầu gia đình chuyển 2.000.000đ (hai triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng V số 104870713399 mang tên Diệp Văn H để hỗ trợ đưa H đi cấp cứu. Bà N đồng ý và đã chuyển 2.000.000đ (hai triệu đồng) vào tài khoản trên.

Lần thứ tư: ngày 02/12/2023, Q gọi điện cho bà Nguyễn Thị X là mẹ của phạm nhân Nguyễn Hồng H2 thông báo H2 phải đi cấp cứu mổ ruột thừa và yêu cầu gia đình chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng V số 104870713399 mang tên Diệp Văn H để hỗ trợ đưa H2 đi cấp cứu. Bà X đồng ý và đã chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản trên.

Ngày 27/9/2024, Q đến đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố H. Q tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI-9A, màu đen gắn sim số 0387113894.

Quá trình điều tra, Lý Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Các bị hại Nguyễn Thị X, Đàm Thị T, Đỗ Đăng P, Lê Thị N đều có lời khai trình bày: trong khoảng cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2023 họ nhận được điện thoại từ số điện thoại 0387163894 tự xưng là cán bộ Trại tạm giam thông báo người nhà của họ là các phạm nhân trong trại giam đang bị bệnh cần cấp cứu gấp và yêu cầu họ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng để đưa người thân họ đi bệnh viện, họ đều nghĩ là sự thật nên đã chuyển khoản theo yêu cầu, nhưng sau đó nghe người nhà nói lại mới phát hiện ra bị lừa.

Người làm chứng: anh Nguyễn Hồng H2, Lê Đức Q1, anh Đỗ Đăng Đ; ông Đào Văn H3 đều có lời khai trình bày: quá trình ở cùng Trại giam các anh có trao đổi thông tin số điện thoại của người nhà cho Q, sau đó các anh được người nhà vào thăm thông báo là có người giả danh cán bộ Trại giam Q2 phân trại 2 bảo họ bị đau ruột thừa đang cấp cứu và yêu cầu gia đình chuyển tiền.

Chị Nguyễn Thị N3 khai: vào khoảng giữa tháng 11/2023 bà Đàm Thị T (mẹ của Đào Văn H3) có nhờ chị gửi số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào số tài khoản ngân hàng chủ tài khoản là Diệp Văn H1 do bà T không sử dụng tài khoản ngân hàng nên nhờ chị gửi tiền hộ, sau đó bà T đưa tiền mặt cho chị, chị không biết mục đích chuyển tiền của bà T là gì, bà T cũng không nói cho chị biết việc đó.

Anh Diệp Văn H, Diệp Văn H1 khai: các anh là hàng xóm ở gần nhà Q, cùng đi làm khai thác quặng với Q ở Lâm Đồng. Vào cuối năm 2023 khi đang ở lán trại thì Q có nói với họ cho mượn số tài khoản ngân hàng để người khác chuyển tiền đến. Do tin tưởng Q vì là hàng xóm gần nhà cùng đi làm ăn xa và thấy Q không có tài khoản nên các anh mới đồng ý cho mượn tài khoản của mình. Sau đó các anh đã rút số tiền đã nhận rồi đưa lại cho Q tiền mặt. Các anh không hỏi và Q cũng không nói cho các anh biết về nguồn gốc của số tiền mà người khác chuyển đến.

Tại bản Cáo trạng số: 3110/CT-VKSHL ngày 27/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Lý Văn Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo Lý Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đó bà Đàm Thị T, anh Đỗ Đăng P có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; chị Nguyễn Thị X và Lê Thị N đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bà T, anh P, chị X đề nghị HĐXX buộc bị cáo trả lại cho họ số tiền đã chiếm đoạt, chị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn Q từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Redmi; tịch thu tiêu hủy 01 Sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại bà Đàm Thị T số tiền: 3.000.000đ (ba triệu đồng); anh Đỗ Đăng P 4.000.000đ (bốn triệu đồng); bà Nguyễn Thị X 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: các bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, bằng thủ đoạn gian dối giả danh cán bộ Trại giam Q2, Lý Văn Q đã chiếm đoạt của bà Đàm Thị T số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), ông Đỗ Đăng P 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bà Lê Thị N 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bà Nguyễn Thị X 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

... ”

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hơn nữa bị cáo có đầy đủ nhận thức về pháp luật, nhưng dùng thủ đoạn gian dối người nhà của các phạm nhân để chiếm đoạt tài sản của các cá nhân phục phục vụ cho nhu cầu cá nhân của mình, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/9/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử 15 tháng tù về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 11/8/2023, Q chấp hành xong án phạt tù, bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nhiều lần khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên ” quy định tại điểm h, g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, bị hại N, X xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Lý Văn Q có tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà sau sau khi chấp hành án xong còn lợi dụng lòng tin của gia đình những phạm nhân tiếp tục phạm tội mới nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình Sự, thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Thị N có quan điểm: không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 3 bị hại còn lại là bà Đàm Thị T, ông Đỗ Đăng P, và chị Nguyễn Thị X đều có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự, bị cáo Lý Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại bà Đàm Thị T số tiền 3.000.000đồng; ông Đỗ Đăng P 4.000.000đ và bà Nguyễn Thị X số tiền 4.000.000đồng.

[7] Về xử lý vật, chứng: 01 chiếc điện thoại Redmi màu đen thu giữ của bị cáo: quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, do đó tịch thu sung ngân sách Nhà nước, tịch thu tiêu hủy sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 11.000.000 đồng bị cáo có nghĩa vụ trả cho các bị hại là 550.000 (năm trăm, năm mươi nghìn).

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 174; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Lý Văn Q 15 (mười lăm)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lý Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn

Thị X số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng); trả cho bà Đàm Thị T 3.000.000đ (ba triệu đồng); trả cho ông Đỗ Đăng P số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Redmi (kiểu dáng Redmi 9A) màu đen; tịch thu tiêu hủy 01 Sim điện thoại.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 71/BB-THA ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lý Văn Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 (năm trăm, năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND TP Hạ Long;
- CQĐT - Công an TP Hạ Long;
- Cơ quan THAHS - CA TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Trại tạm giam Công an T. Quảng Ninh;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thủy